

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 285 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sơn Mỹ 2,
diện tích 540 ha” tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sơn Mỹ 2, diện tích 540 ha” họp ngày 05 tháng 11 năm 2020;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sơn Mỹ 2, diện tích 540 ha” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 911/2020/CV/IDC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC);

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sơn Mỹ 2, diện tích 540 ha” tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi là Dự án)

được lập bởi Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC) (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

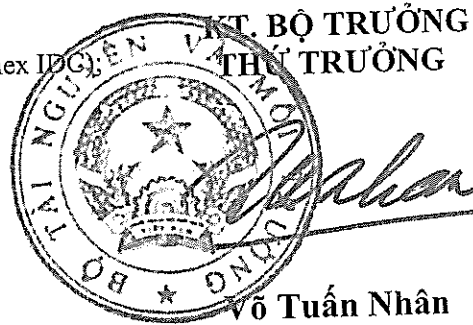
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- TCT Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Thuận;
- Sở TN&MT tỉnh Bình Thuận;
- BQL các KCN tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT (3). PN (12).



Trần Hồng Hà
Bộ trưởng

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP SON MỸ 2, DIỆN TÍCH 540 HA” TẠI XÃ SON MỸ, HUYỆN HÀM TÂN, TỈNH BÌNH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sơn Mỹ 2, diện tích 540 ha”.
- Địa điểm thực hiện: xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC).
- Địa chỉ liên hệ: Số 08, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án:

- Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp (KCN) Sơn Mỹ 2 tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận trên diện tích 540 ha.
- Các hạng mục công trình chính: (1) san nền; (2) hệ thống giao thông; (3) hệ thống thu gom và thoát nước mưa; (4) hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải; (5) hệ thống cấp điện, chiếu sáng; (6) hệ thống cấp nước; (7) hệ thống thông tin liên lạc; (8) cây xanh; (9) trung tâm điều hành KCN.
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án công suất 17.000 m³/ngày (24 giờ) bao gồm 04 module (03 module công suất 4.000 m³/ngày/module và 01 module công suất 5.000 m³/ngày); 01 hồ sơ cố dung tích 15.000 m³.
- Nội dung được phê duyệt không bao gồm nội dung đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư thứ cấp vào Khu công nghiệp Sơn Mỹ 2 và các hạng mục: (1) rà phá bom mìn, bồi thường, giải phóng mặt bằng; (2) khai thác nước mặt, nước ngầm; (3) khai thác (kể cả khai thác tận thu, nếu có) khoáng sản trong đất; (4) khai thác vật liệu san lấp mặt bằng; (5) hoàn trả các tuyến kênh mương.

1.3. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào Dự án:

- ##### 1.3.1. Nhóm công nghiệp loại 1 (diện tích 48,66 ha chiếm 12,7% diện tích đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp) gồm: công nghiệp điện máy, điện công nghiệp, điện gia dụng; công nghiệp điện tử, công nghệ tin học, phương tiện thông tin, viễn thông và truyền hình công nghệ kỹ thuật cao; công nghệ chế tạo máy, thiết bị phụ tùng, lắp ráp phụ tùng; công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm;

1.3.2. Nhóm công nghiệp loại 2 (diện tích 243,49 ha chiếm 63,55% diện tích đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp) gồm: công nghiệp đá xây dựng, bê tông, đá granite; công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm; công nghiệp sản xuất đồ gỗ, trang trí nội thất, vật liệu xây dựng; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản; công nghiệp sản xuất các loại khí công nghiệp; công nghiệp sản xuất thép xây dựng, thép ống (không luyện kim); công nghiệp sản xuất dụng cụ thể dục thể thao, đồ chơi, nữ trang; công nghiệp sản xuất dụng cụ quang học, dụng cụ y tế; công nghiệp nhựa (không sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất);

1.3.3. Nhóm công nghiệp loại 3 (diện tích 90,99 ha chiếm 23,75% diện tích đất xây dựng Nhà máy, xí nghiệp) gồm: công nghiệp dệt may (có công đoạn nhuộm để hoàn thiện sản phẩm); công nghiệp da, giả da, giày da (không thuộc da); công nghiệp sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, nông dược, thuốc thú y; công nghiệp cao su, săm lốp, các sản phẩm cao su kỹ thuật cao (không chế biến mũ cao su); công nghiệp bao bì, chế biến, in ấn giấy (không sản xuất bột giấy); công nghiệp cơ khí và cơ khí chính xác (có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm, các dự án đầu tư thứ cấp tự thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ công đoạn xi mạ và hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý như chất thải nguy hại).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

2.1.1. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn thi công xây dựng: Dự án phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.1.2. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu hành chính dịch vụ, nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong giai đoạn vận hành Dự án.

- Chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp phát sinh từ giai đoạn vận hành Dự án.

- Tác động môi trường chính của Dự án là nước thải công nghiệp phát sinh trong giai đoạn vận hành, xả nước thải sau xử lý dẫn vào mương thoát nước tự nhiên và xả ra sông Cô Kiều.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công xây dựng ước tính khoảng 4,5 m³/ngày. Thành phần: chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động rửa các phương tiện thi công,

vận chuyển, nước sử dụng trộn vôi, cát, xi măng... ước tính khoảng 09 m³/ngày.
Thành phần: chất rắn lơ lửng (SS), dầu mỡ, đất, cát.

2.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải trong giai đoạn vận hành:

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh của Dự án trong giai đoạn vận hành khoảng 14.459 m³/ngày với các thông số ô nhiễm chính gồm: chất rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của các phương tiện thi công cơ giới, từ quá trình đào đắp xây dựng các hạng mục công trình, từ hoạt động trải thảm nền bê tông nhựa nóng, từ hoạt động lưu giữ đất hữu cơ bóc tách với thành phần chủ yếu: bụi, CO, NO₂, SO₂.

2.3.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành:

Bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp tại Dự án có tính chất phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư, các thông số ô nhiễm chính gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO, mùi từ trạm xử lý nước thải tập trung.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

2.4.1. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng ước tính khoảng 50 đến 70 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh ước tính khoảng 13.855,1 tấn/giai đoạn thi công xây dựng, bao gồm: bê tông, gạch, đá, cát, đầu mẫu sắt thép vụn, vỏ bao xi măng,...

2.4.2. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường trong giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường trong giai đoạn hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp vào Khu công nghiệp có tính chất phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư. Một số loại chất thải rắn công nghiệp thông thường bao gồm sản phẩm không đạt, nhựa, vỏ dây điện, bao bì, carton, phế phẩm, thực phẩm, các vật liệu thải bỏ.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên bao gồm các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa và các loại chất thải sinh hoạt khác.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh ước tính khoảng 12,9 kg/ngày, bao gồm: các loại giẻ lau dính dầu, các thùng chứa dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang hỏng,...

2.5.2. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp vào Khu công nghiệp có tính chất phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư. Một số loại chất thải nguy hại bao gồm giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải, thùng dung môi, hộp sơn, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, bao bì đựng hóa chất, bùn thải phát sinh từ quá trình vận hành các module xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bố trí 02 nhà vệ sinh di động tại công trường. Định kỳ chuyên giao chất thải cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Nước từ quá trình rửa xe, máy móc thiết bị được dẫn vào bể lắng để lắng đất, cát, cặn lớn (dầu nhớt trên mặt nước trong bể lắng được tách thủ công) trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

3.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Hệ thống thoát nước mưa của Dự án: toàn bộ nước mưa tại Dự án được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa riêng biệt của Khu công nghiệp. Các tuyến cống được bố trí các hố ga lắng cặn với các hố thu nước mặt đường. Các hố ga được định kỳ nạo vét để loại bỏ rác, cặn lắng; bùn thải được thu gom, lưu giữ tạm thời và chuyên giao cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của Dự án (bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp) được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án công suất 17.000 m³/ngày bao gồm 04 module (03 module công suất 4.000 m³/ngày/module và 01 module công suất 5.000 m³/ngày) để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số $K_q = K_f = 0,9$ trước khi dẫn vào mương thoát nước tự nhiên và xả ra sông Cô Kiều.

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Dự án bao gồm:

+ Mạng lưới thu gom nước thải tách riêng với nước mưa, cấu tạo bằng ống HDPE đường kính từ 300 đến 600 mm thiết kế theo độ dốc địa hình kết hợp với hệ thống bơm chuyên bậc để dẫn nước thải về 04 module của trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất sau khi xử lý sơ bộ tại các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp được thu gom về các module của trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án được xây dựng tại lô đất hạ tầng kỹ thuật nằm ở phía Tây Nam của Dự án. Hệ thống xử lý nước thải tập

trung bao gồm 04 module (03 module công suất 4.000 m³/ngày/module và 01 module công suất 5.000 m³/ngày).

+ Quy trình công nghệ của trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án như sau: nước thải đầu vào → song chắn rác thô → hồ thu → tách rác tinh → bể điều hòa → bể keo tụ - tạo bông 1 → bể lắng bùn hóa lý 1 → bể Anoxic → bể sinh học hiếu khí → bể lắng bùn sinh học → bể keo tụ - tạo bông 2 → bể lắng bùn hóa lý 2 → bể khử trùng → mương quan trắc → mương thoát nước tự nhiên → sông Cô Kiêu.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung được xây dựng thành từng module theo tiến độ thu hút đầu tư đảm bảo đáp ứng lưu lượng nước thải đầu nổi của các dự án đầu tư thứ cấp. Module sau được tiến hành xây dựng khi module trước đạt 70% công suất xử lý (bắt đầu từ module công suất 4.000 m³/ngày và kết thúc là module công suất 5.000 m³/ngày).

3.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và thi công phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường; thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Xây dựng, đầu nổi và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung trước khi đưa Khu công nghiệp vào vận hành, đảm bảo toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp được thu gom, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số $Kq = Kf = 0,9$ trước khi dẫn vào mương thoát nước tự nhiên và xả ra sông Cô Kiêu. Không được phép xả thải trong trường hợp xảy ra sự cố với trạm xử lý nước thải tập trung hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy định này.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục trước cửa xả ra ngoài môi trường của trạm xử lý nước thải tập trung (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận theo đúng quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm: lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni, độ màu.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi phải

được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

- Quy định cụ thể đối với các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp về việc xử lý sơ bộ nước thải trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung thông qua văn bản thỏa thuận; thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp theo đúng quy định.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Yêu cầu các đơn vị tham gia thi công xây dựng Dự án thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Lắp đặt hàng rào xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe vận chuyển được rửa sạch bùn đất dính bám trước khi ra khỏi công trường.

3.2.2. Giai đoạn vận hành:

Thực hiện trồng cây xanh với tổng diện tích khoảng 63,78 ha.

3.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp phải xử lý bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận riêng cho từng dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt:

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt tại công trường được thu gom và lưu giữ trong các thùng rác (10 thùng chứa 120 lít). Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng.

- Các chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: vỏ bao xi măng, đầu mẩu thép, tôn, gỗ,... được thu gom và bán cho tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu.

- Các chất thải như đất, đá, vật liệu xây dựng... được thu gom và sử dụng để san lấp mặt bằng khu vực Dự án, tuyệt đối không đổ các loại chất thải rắn này ra khu vực đất canh tác nông nghiệp, khu dân cư tại địa phương.

- Định kỳ chuyển giao các loại chất thải rắn này cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Bố trí các thùng đựng rác dung tích từ 50 đến 60 lít để thu gom chất thải sinh hoạt của trung tâm điều hành Khu công nghiệp theo đúng quy định.

- Chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp do các chủ đầu tư này tự ký hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động khu hành chính, trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp được Chủ dự án ký hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Bố trí khu vực có mái che có diện tích 04 m² và các thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn dấu hiệu cảnh báo để lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.4.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp được các chủ đầu tư này tự ký hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động khu hành chính và trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp được Chủ dự án ký hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; bố trí các thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn dấu hiệu cảnh báo để thu gom, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại tại khu lưu giữ chất thải nguy hại.

3.4.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung:

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận riêng cho từng dự án.

3.5.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Thực hiện việc trồng cây xanh đảm bảo diện tích đất được trồng cây xanh tối thiểu đạt 10% tổng diện tích đất Khu công nghiệp theo đúng quy định, tiến hành trồng cây xanh trong Khu công nghiệp song song với quá trình thi công xây dựng.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố của trạm xử lý nước thải tập trung:

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh của Dự án trong giai đoạn vận hành ước tính khoảng 14.459 m³/ngày, hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp công suất thiết kế 17.000 m³/ngày (hệ số an toàn k = 1,17) được chia thành 04 module (03 module công suất 4.000 m³/ngày/module và 01 module công suất 5.000 m³/ngày) để phù hợp với tiến độ thu hút các dự án thứ cấp thuộc danh mục ngành nghề được phép đầu tư vào Khu công nghiệp và để giảm thiểu rủi ro tất cả các module cùng xảy ra sự cố. Các module sử dụng chung 01 bể gom nước thải.

- Chủ dự án áp dụng giải pháp kỹ thuật, biện pháp quản lý và kết hợp với

công trình để ứng phó sự cố xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung: áp dụng công trình ứng phó sự cố (hồ sự cố) và tận dụng hệ số an toàn của bể điều hòa của các module, bể gom nước thải để quay vòng xử lý lại nước thải, cụ thể như sau:

+ Trường hợp module công suất 5.000 m³/ngày xảy ra sự cố, hệ thống bơm đưa lượng nước thải không thể xử lý 2.459 m³/ngày về hồ sự cố (dung tích 15.000 m³) để lưu chứa tạm thời. Tiến hành biện pháp quản lý để xác định sự cố xảy ra và khắc phục ngay. Sau khi khắc phục xong, lượng nước thải tại hồ sự cố được bơm về bể gom nước thải để tiến hành xử lý lại.

+ Trường hợp module công suất 5.000 m³/ngày và 01 module công suất 4.000 m³/ngày xảy ra sự cố, hệ thống bơm đưa lượng nước thải không thể xử lý 6.459 m³/ngày quay vòng một phần về bể điều hòa của 02 module xảy ra sự cố (dung tích bể điều hòa của module công suất 4.000 m³/ngày là 1.300 m³ và của module công suất 5.000 m³/ngày là 1.700 m³). Lượng nước thải không thể xử lý còn lại 3.459 m³/ngày được bơm về hồ sự cố (dung tích 15.000 m³) để lưu chứa tạm thời. Tiến hành biện pháp quản lý để xác định sự cố xảy ra và khắc phục ngay. Sau khi khắc phục xong, lượng nước thải tại hồ sự cố được bơm về bể gom nước thải để tiến hành xử lý lại.

+ Trường hợp module công suất 5.000 m³/ngày và 02 module công suất 4.000 m³/ngày/module xảy ra sự cố, hệ thống bơm đưa lượng nước thải không thể xử lý 10.459 m³/ngày quay vòng một phần về bể điều hòa của 03 module xảy ra sự cố (dung tích bể điều hòa của 02 module công suất 4.000 m³/ngày/module là 2.600 m³ và của module công suất 5.000 m³/ngày là 1.700 m³). Lượng nước thải không thể xử lý còn lại 6.159 m³/ngày được bơm về hồ sự cố (dung tích 15.000 m³) để lưu chứa tạm thời. Tiến hành biện pháp quản lý để xác định sự cố xảy ra và khắc phục ngay. Sau khi khắc phục xong, lượng nước thải tại hồ sự cố được bơm về bể gom nước thải để tiến hành xử lý lại.

+ Trường hợp các module cùng xảy ra sự cố, hệ thống bơm đưa lượng nước thải không thể xử lý 14.459 m³/ngày quay vòng một phần về bể điều hòa của 04 module xảy ra sự cố (dung tích bể điều hòa của 03 module công suất 4.000 m³/ngày/module là 3.900 m³ và của module công suất 5.000 m³/ngày là 1.700 m³). Lượng nước thải không thể xử lý còn lại 8.859 m³/ngày được bơm về hồ sự cố (dung tích 15.000 m³) để lưu chứa tạm thời. Tiến hành biện pháp quản lý để xác định sự cố xảy ra và khắc phục ngay. Sau khi khắc phục xong, lượng nước thải tại hồ sự cố được bơm về bể gom nước thải để tiến hành xử lý lại.

+ Biện pháp quản lý các module xử lý nước thải: kiểm tra quy trình vận hành, máy móc thiết bị; điều chỉnh quy trình vận hành; sửa chữa, thay thế máy móc thiết bị hư hỏng; quay vòng xử lý lại nước thải.

- Xây dựng và vận hành hồ sự cố với dung tích 15.000 m³, có đáy lót bằng màng chống thấm HDPE; trong trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, nước thải được lưu giữ tại hồ sự cố, sau đó bơm ngược lại về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Hồ sự cố phải đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra

ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng.

- Lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; dung tích các bể, hệ thống van chặn tại các bể của trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo thời gian lưu nước tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải. Khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải, tiến hành tạm dừng hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung để kiểm tra. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số $Kq = Kf = 0,9$ trước khi dẫn vào mương thoát nước tự nhiên và xả ra sông Cô Kiều.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án.

3.6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi và khí thải: các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp phải áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận riêng cho từng dự án.

3.6.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại: khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

3.6.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: không xây dựng các công trình trên tuyến đường ống nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

3.6.5. Công tác phòng cháy và chữa cháy: lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy đảm bảo chất lượng và hoạt động hiệu quả theo đúng quy định.

3.6.6. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong toàn bộ quá trình hoạt động của Dự án.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa.
- Mạng lưới thu gom và thoát nước thải.
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 17.000 m³/ngày bao gồm 04 module (03 module công suất 4.000 m³/ngày/module và 01 module công suất 5.000 m³/ngày); 01 hồ sự cố dung tích 15.000 m³.
- Khu lưu giữ bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung diện

tích 300 m².

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 08 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

5.1.1. Chương trình giám sát môi trường xung quanh:

- Vị trí giám sát: 04 vị trí.
- + 01 điểm tại khu vực thi công.
- + 01 điểm tại khu vực lưu giữ nguyên vật liệu.
- + 01 điểm trên Quốc lộ 55 đoạn qua công Dự án.
- + 01 điểm tại khu dân cư tiếp giáp phía Đông Nam của Dự án.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: tiếng ồn, độ rung, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, CO, NO₂.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

5.2.1. Chương trình giám sát chất lượng nước thải:

- Vị trí giám sát, số lượng mẫu và tần suất giám sát: theo quy định của Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Thông số giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, độ màu, pH, BOD₅, COD, tổng

chất rắn lơ lửng (TSS), Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, tổng Xyanua, tổng Phenol, tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni, tổng N, tổng P, Clorua, Clo dư, Coliform, chất hoạt động bề mặt.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số $Kq = Kf = 0,9$.

5.2.2. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.3. Giai đoạn vận hành:

5.3.1. Chương trình giám sát chất lượng nước thải sau xử lý:

- Giám sát nước thải tự động, liên tục:

+ Vị trí giám sát: trước cửa xả ra ngoài môi trường của trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Tần suất giám sát: liên tục 24/24 giờ.

+ Thông số giám sát: lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni, độ màu.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số $Kq = Kf = 0,9$.

- Giám sát nước thải định kỳ:

+ Vị trí giám sát: nước thải đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: nhiệt độ, độ màu, pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, tổng Xyanua, tổng Phenol, tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni, tổng N, tổng P, Clorua, Clo dư, Coliform, chất hoạt động bề mặt.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số $Kq = Kf = 0,9$.

5.3.2. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Tuân thủ các quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và QCVN 01:2019/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Chỉ được phép triển khai xây dựng Dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện; phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận thực hiện công tác chuyển đổi mục đích sử dụng đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ thải phế thải xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án; phục hồi cảnh quan môi trường khu vực tạm chiếm dụng trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp đảm bảo việc đổ thải phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

- Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề tại Mục 1.3 Phụ lục này và sau khi đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án; thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải đối với các dự án đầu tư thứ cấp vào Dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Xây dựng, vận hành hệ thống hồ ứng phó sự cố nước thải có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện Dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Yêu cầu các dự án đầu tư thứ cấp vào Khu công nghiệp Sơn Mỹ 2 phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công xây dựng, vận hành Dự án.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật./.